TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG A** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/DS-ST
Ngày: 28/4/2022
V/v: Tranh chấp H/Đ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Nguyễn Duy May.**
2. **Bà Nguyễn Thị Yêm.**

***- Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thu Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông A - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A - Thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà:* **Ông Nguyễn Doãn Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông A - Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 234/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXX-DSST ngày 08 tháng 4 năm 2022. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ***Bà Ngô Thị B*** – Sinh năm 1973.
HKTT và nơi ở: Thôn Hà L 2, xã Thụy L, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội.
Nghề nghiệp: Làm ruộng.
Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: ***Bà Nguyễn Thị H*** – Sinh năm 1983.
HKTT và nơi ở: Thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội.
Nghề nghiệp: Làm ruộng.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2021, bản tự khai ngày 30/12/2021, biên bản hòa giải ngày 07/01/2022, bà Ngô Thị B - nguyên đơn trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị H có quan hệ bạn bè từ trước, do tin tưởng bà H nên bà đã cho bà H vay tiền nhiều lần trong các năm 2011 và 2012, bà H có đưa cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Dự là mẹ đẻ bà H để làm tin, nhưng sau đó bà H lại mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, cũng vì quá tin tưởng nên bà đã cho bà H mượn lại và không viết giấy tờ gì. Khi cho vay tiền hai bên đều viết giấy vay tiền và thỏa thuận với nhau thời hạn đều là một tháng, lãi suất theo thỏa thuận, không thỏa thuận về lãi phạt. Sau đó đã nhiều lần bà đòi tiền nhưng bà H đều khất không trả. Đến nay bà khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho bà các khoản nợ, cụ thể như sau:

- Ngày 11/11/2011 vay 240.000.000 đồng, đã trả 200.000.000 đồng còn 40.000.000 đồng.
- Ngày 26/11/2011 vay 200.000.000 đồng.
- Ngày 16/12/2011 vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 29/12/2011 vay 150.000.000 đồng.
- Ngày 30/12/2011 vay 80.000.000 đồng.
- Ngày 20/01/2012 vay 150.000.000 đồng.
- Ngày 07/02/2012 vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 13/02/2012 vay 120.000.000 đồng.

Bà yêu cầu bà H phải trả cho bà tổng số tiền nợ gốc là 840.000.000 đồng, tổng số tiền nợ lãi là 756.000.000 đồng, mức lãi suất tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng. Bà rút yêu cầu đối với khoản tiền lãi phạt đã yêu cầu trong đơn khởi kiện là 200.000.000 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi là 1.596.000.000 đồng.

Ngày 08/4/2022 bà B có đơn xin rút yêu cầu đối với khoản tiền nợ lãi là 756.000.000 đồng, giữ nguyên yêu cầu đòi số tiền nợ gốc là 840.000.000 đồng.

Ngoài các yêu cầu trên bà không trình bày ý kiến nào khác.

+ Tại bản tự khai ngày 07/01/2022, biên bản hòa giải ngày 07/01/2022, biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2022, bà Nguyễn Thị H - bị đơn trình bày:

Bà và bà Ngô Thị B có quan hệ bạn bè thân thiết. Năm 2011 bà có vay tiền của bà Ngô Thị B nhiều lần, mỗi lần vay bà có viết giấy vay tiền cho bà B làm tin, đồng thời bà gửi cho bà B một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Dự là mẹ đẻ bà để làm tin, bà không thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Bà xác định những giấy vay tiền bà B đã nộp tại Tòa án là đúng do bà viết và ký. Bà khẳng định bà đã trả đầy đủ cả gốc và lãi cho bà B. Do bạn bè thân thiết và quá tin tưởng nhau nên khi trả tiền bà với bà B chỉ thỏa thuận với nhau bằng miệng, không viết giấy tờ trả và cũng không có ai làm chứng, sau khi trả hết tiền bà B đã trả lại cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà đã đưa cho bà B để làm tin. Khi trả bà có nói bà

B hủy các giấy vay tiền, nhưng đến nay bà mới được biết bà B không hủy các giấy vay tiền của bà mà khởi kiện bà đến Tòa án. Vì thời gian đã lâu nên bà không nhớ được cụ thể thời gian trả tiền cho bà B. Bà không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về việc đã trả tiền cho bà B. Việc vay nợ bà B không liên quan đến chồng bà, tất cả số tiền vay này bà vay riêng lúc bà chưa lấy chồng.

Nay bà B yêu cầu bà thanh toán số tiền gốc bà còn nợ là 840.000.000 đồng thì bà không đồng ý do tôi đã trả hết cho bà B rồi. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để bảo vệ quyền lợi cho bà.

Ngoài ra bà H không có yêu cầu gì khác.

<u>Tại phiên tòa</u>:

+ Bà Ngô Thị B xác nhận tính đến thời điểm hiện nay bà H vẫn còn nợ bà tổng số tiền nợ gốc là 840.000.000 đồng. Bà B vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện và các lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án về việc yêu cầu bà H phải trả bà khoản tiền nợ gốc nêu trên. Bà xin rút yêu cầu đối với số tiền nợ lãi là 756.000.000 đồng và số tiền lãi phạt là 200.000.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

+ Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A – Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng. Tiến hành thụ lý vụ án, phân công Thẩm phán và Thư ký, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án theo đúng qui định của pháp luật.

Việc thu thập chứng cứ và thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng đã thực hiện đúng theo qui định của pháp luật.

Về thủ tục chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng thời hạn xét xử và đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo qui định của pháp luật.

Thực hiện đúng qui định về việc cấp, tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng.

Đây là vụ án Tòa án có thu thập chứng cứ theo điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo việc tranh tụng đúng qui định.

Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng qui định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa, việc bà Ngô Thị B khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B đối với khoản tiền nợ gốc. Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Ngô Thị B tổng số tiền nợ gốc là 840.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu về khoản tiền lãi và tiền lãi phạt của bà Ngô Thị B. Bà H phải chịu án phí có giá ngạch theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị H vay số tiền gốc 840.000.000 đồng của bà Ngô Thị B, được thể hiện tại các Giấy vay tiền các ngày 11/11/2011 , 26/11/2011, 16/12/2011, 29/12/2011, 30/12/2011, 20/01/2012, 07/02/2012, 13/02/2012 hai bên cùng ký và ghi rõ họ tên. Như vậy việc vay tiền của bà H với bà B được coi là Hợp đồng dân sự. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là "tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản".

[2] Về tố tụng:

[2.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị B khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H có Hộ khẩu thường trú và nơi ở tại thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông A, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự đều không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tư cách người tham gia tố tụng: Bà Ngô Thị B là người khởi kiện, căn cứ theo khoản 2 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị H là người bị kiện, căn cứ theo khoản 3 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là bị đơn.

[2.4] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXX-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 cho bà Nguyễn Thị H, nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy Toà án nhân dân huyện Đông A tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét về các Giấy vay tiền đề ngày 11/11/2011, 26/11/2011, 16/12/2011, 29/12/2011, 30/12/2011, 20/01/2012, 07/02/2012, 13/02/2012: Việc vay nợ giữa bà Nguyễn Thị H với bà Ngô Thị B đều được lập thành văn bản có ký xác nhận của các bên, được thể hiện qua các Giấy vay tiền nêu trên, có đầy đủ số tiền vay, mục đích vay tiền để phục vụ việc gia đình, thời hạn trả nợ đều là 01 tháng, người vay cam kết đã nhận đủ số tiền vay theo từng Giấy vay nợ. Các Giấy vay tiền đều thể hiện lãi suất thỏa thuận, tuy nhiên không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể. Căn cứ theo qui định tại Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi đúng theo qui định của pháp luật.

[3.2] Xét yêu cầu của bà Ngô Thị B:

Bà Ngô Thị B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thanh toán trả tổng số tiền nợ gốc là 840.000.000 đồng, được thể hiện tại Giấy vay nợ đề ngày 11/11/2011 thể hiện số tiền vay là 240.000.000 đồng. Mặt sau Giấy vay tiền thể hiện ngày 20/11 đã trả 100.000.000 đồng, ngày 22/11 trả 100.000.000 đồng, có chữ ký của bà Nguyễn Thị H. Các bên đều xác nhận số tiền đã trả là đúng, như vậy số tiền trong Giấy vay tiền trên còn lại là 40.000.000 đồng. Tại Giấy vay nợ đề ngày 26/11/2011 thể hiện số tiền vay là 200.000.000 đồng, Giấy vay tiền ngày 16/12/2011 thể hiện số tiền vay là 50.000.000 đồng, Giấy vay tiền ngày 29/12/2011 thể hiện số tiền vay là 150.000.000 đồng, Giấy vay tiền ngày 30/12/2011 thể hiện số tiền vay là 80.000.000 đồng, Giấy vay tiền ngày20/01/2012 thể hiện số tiền vay là 150.000.000 đồng, Giấy vay tiền ngày 07/02/2012 thể hiện số tiền vay là 50.000.000 đồng, Giấy vay tiền ngày 13/02/2012 thể hiện số tiền vay là 120.000.000 đồng.

Quá trình giao dịch vay tiền các bên đều lập thành văn bản, các bên đều xác nhận tại thời điểm ký văn bản vay tiền đều khỏe mạnh, minh mẫn, tự nguyện, không bị ai ép buộc, do vậy các Giấy vay tiền nêu trên đều có giá trị về mặt pháp lý và các bên có nghĩa vụ thực hiện. Bà H đã trả nợ được cho bà B 02 lần là 20.000.000 đồng, ngoài ra bà H không trả cho bà B tiền nợ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Bà H cho rằng đã trả đầy đủ số tiền nợ trên cho bà B, tuy nhiên bà H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc đã trả tiền cho bà B, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Như vậy bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà B xác nhận bà H còn nợ tổng số tiền nợ gốc là 840.000.000 đồng, bà yêu cầu bà H phải trả cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc trên, bà xin rút yêu cầu đối với khoản tiền nợ lãi là 756.000.000 đồng và khoản tiền lãi phạt là 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu đòi khoản tiền nợ gốc của bà Ngô Thị B hoàn toàn có căn cứ, nên được chấp nhận. Việc bà B xin rút yêu cầu về khoản tiền lãi và tiền lãi

phạt là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này của nguyên đơn.

[3.3] Tại các Giấy vay tiền đề ngày 11/11/2011, 26/11/2011, 16/11/2011, 29/11/2011, 20/01/2012, 07/02/2012, 13/02/2012 đều thể hiện bà Nguyễn Thị H có giao cho bà Ngô Thị B 01 sổ đỏ mang tên Nguyễn Thị Dự để làm tin. Tuy nhiên cả hai bên đều xác nhận sau đó bà Ngô Thị B đã trả lại cho bà Nguyễn Thị H sổ đỏ nêu trên và các bên đều không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 36.000.000 + [(840.000.000 - 800.000.000) x 3%] = 37.200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự.

- Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1- Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của Bà Ngô Thị B đối với bà Nguyễn Thị H.

2- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ lãi là 756.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi phạt là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

3- Xác nhận số tiền nợ gốc bà Nguyễn Thị H còn nợ bà Ngô Thị B là 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng).

4- Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Ngô Thị B số tiền 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng).

5- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 37.200.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Ngô Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.530.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0045913 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông A, Thành phố Hà Nội.

6- Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thanh toán, thì bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số nợ gốc theo mức lãi suất Ngân hàng tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7- Bà Ngô Thị B có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị H vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Huyền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Đông A;
- THA H. Đông A;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- THA Q.Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thu Huyền